

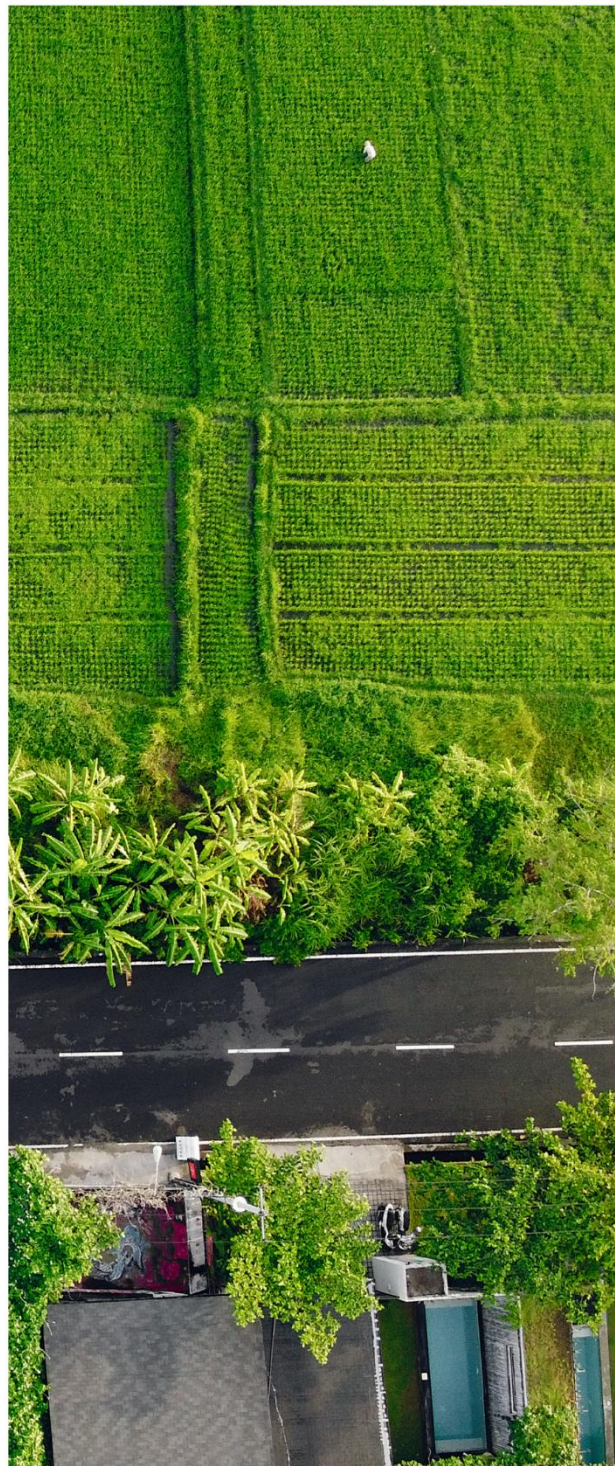
THÁNG 03/2024

# BẢN TIN PHÁP LÝ

## NỘI DUNG CHÍNH

1. Từ 2025, đất nông nghiệp bị thu hồi có thể được bồi thường bằng nhà ở;
2. Tổ chức tín dụng được chuyển nhượng tài sản bảo đảm là dự án bất động sản để thu hồi nợ;
3. Các khoản vay nước ngoài phải đăng ký với ngân hàng nhà nước.

## DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI



✉ [contact@cilaf.vn](mailto:contact@cilaf.vn)

🌐 [www.cilaf.vn](http://www.cilaf.vn)

📍 234 Ngô Thị Nhậm, P. An Khánh,  
Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

**Get in touch**  
**0706.68.78.68**

## 1. TỪ 2025, ĐẤT NÔNG NGHIỆP BỊ THU HỒI CÓ THỂ ĐƯỢC BỒI THƯỜNG BẰNG NHÀ Ở

Sau 4 kỳ họp cho ý kiến, vào sáng ngày 18/01 tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) với 432/477 đại biểu Quốc hội tham gia biểu quyết tán thành (chiếm 87,63% tổng số đại biểu). Như vậy, lĩnh vực đất đai sẽ có nhiều biến chuyển từ sau ngày 01/01/2025 khi mà Luật Đất đai năm 2024 bắt đầu có hiệu lực.

Với nhiều quy định thay đổi so với Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), trong đó có điểm khác biệt đối với vấn đề bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

### 1.1. Hộ gia đình, cá nhân có thể được bồi thường về đất bằng nhà ở

Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Như vậy, trong luật hiện hành chỉ nêu hai phương thức bồi thường về đất là bồi thường bằng đất hoặc bằng tiền. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 91 và Điều 96 Luật Đất đai năm 2024 đã bổ sung thêm một phương thức, đó là bồi thường bằng nhà ở.

Vậy thì, điều kiện nào để hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở khi bị thu hồi đất nông nghiệp?

### 1.2. Điều kiện để được bồi thường bằng nhà ở.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai năm 2024, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp mà bị Nhà nước thu hồi đất, nếu có nhu cầu có thể được bồi thường bằng nhà ở khi có đủ điều kiện được bồi thường về đất và đồng thời địa phương có điều kiện về quỹ nhà ở. Cụ thể, các điều kiện được bồi thường về đất mà hộ gia đình, cá nhân phải thỏa mãn tại Điều 95 bao gồm:

Thứ nhất, đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hằng năm;

Thứ hai, có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, đồng nghĩa với việc phải có một trong các điều kiện:

“a) Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

b) Có quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất làm căn cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 137 của Luật này;

d) Nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật từ người có quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng chưa hoàn thành thủ tục đăng ký đất đai;

đ) Được sử dụng đất theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ; văn bản công nhận kết quả đấu giá quyền sử



*dụng đất mà người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.”*

### **1.3. Quyền lựa chọn hình thức bồi thường bằng nhà ở**

Luật Đất đai năm 2024 đã mở rộng hơn quyền lựa chọn hình thức bồi thường về đất, cụ thể theo khoản 2 Điều 91 cho phép đối với hộ gia đình, cá nhân và người sử dụng đất nói chung có thể được chọn bồi thường bằng nhà ở khi địa phương có điều kiện về quỹ nhà ở, không phụ thuộc vào các khả năng đáp ứng của hình thức bồi thường bằng đất hay bằng tiền. Vì theo quy định của luật hiện hành, Nhà nước chỉ bồi thường bằng tiền khi không có đất để bồi thường, căn cứ vào khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Như vậy, việc bồi thường khi bị thu hồi đất có quy định có lợi hơn cho người bị thu hồi, đặc biệt đảm bảo nguyên tắc người bị thu hồi phải có điều kiện ở, sinh sống bằng hoặc tốt hơn trước khi bị thu hồi.

### **1.4. Diện tích đất nông nghiệp được tính để bồi thường**

Xác định diện tích đất nông nghiệp để bồi thường trong trường hợp này theo Luật Đất đai năm 2024 được quy định tương tự với luật hiện hành:

*“a) Diện tích đất nông nghiệp được bồi thường bao gồm diện tích trong hạn mức quy định tại Điều 176 và Điều 177 của Luật này và diện tích đất do được nhận thừa kế;*

*b) Đối với diện tích đất nông nghiệp do nhận chuyển quyền sử dụng đất vượt hạn mức trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.” (Điều 96)*

Diện tích đất nông nghiệp được giao vượt hạn mức thì sẽ không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất (Điều 107).

### **1.5. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy vẫn được bồi thường**

Đây là chính sách của Nhà nước nhằm mở rộng khả năng được bồi thường đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận. Theo đó, trên tinh thần của Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) thì tại khoản 3 Điều 96 Luật Đất đai năm 2024 có quy định *“đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì việc bồi thường được thực hiện theo quy định của Chính phủ”*.

Như vậy, đối với vấn đề này thì luật đất đai mới không quy định cụ thể mà đợi Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn, vì vậy vẫn còn bỏ ngỏ khả năng hộ gia đình, cá nhân có thể được bồi thường về đất bằng nhà ở hay không. Trong khi đó, căn cứ tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), với trường hợp này thì hộ gia đình, cá nhân được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.

Trên đây là một số điểm mới đáng chú ý liên quan đến việc đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân bị Nhà nước thu hồi có thể được bồi thường bằng nhà ở theo Luật Đất đai năm 2024, có hiệu lực từ 01/01/2025.

## 2. TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN ĐỂ THU HỒI NỢ

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Các tổ chức tín dụng 2024 với nhiều điểm mới quan trọng trong việc tăng cường quản lý các hoạt động của các tổ chức tín dụng so với Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi 2017), trong đó có bổ sung quy định về việc tổ chức tín dụng được chuyển nhượng tài sản bảo đảm là dự án bất động sản để thu hồi nợ từ ngày 01/01/2025.

Theo đó, khoản 3 Điều 200 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng, công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng được quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản là tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định về chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và quy định khác của pháp luật có liên quan nhưng không phải áp dụng quy định về điều kiện chủ thể kinh doanh bất động sản đối với bên chuyển nhượng dự án bất động sản của Luật Kinh doanh bất động sản 2023.

Như vậy, theo quy định nêu trên, từ ngày 01/01/2025, tổ chức tín dụng được quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản là tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định về chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản theo quy định của pháp luật.

Điều kiện chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản được quy

định tại Điều 40 Luật Kinh doanh bất động sản 2023 như sau:

(1) Dự án bất động sản chuyển nhượng phải có các điều kiện sau đây:

- Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư; đã được lựa chọn hoặc công nhận chủ đầu tư đối với trường hợp dự án phải thực hiện thủ tục công nhận chủ đầu tư;
- Dự án đã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về quy hoạch đô thị;
- Dự án, phần dự án chuyển nhượng đã hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thì phải xây dựng xong các công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ, thiết kế, quy hoạch chi tiết được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch đô thị và nội dung của dự án đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- Quyền sử dụng đất của dự án, phần dự án chuyển nhượng không thuộc trường hợp đang có tranh chấp đang được cơ quan có thẩm quyền thông báo, thụ lý, giải quyết hoặc có tranh chấp nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng bản án, quyết định, phán quyết đã có hiệu lực pháp luật; không bị kê biên để bảo đảm thi hành án; không thuộc trường hợp luật cấm giao dịch; không thuộc trường hợp đang trong thời gian bị đình chỉ, tạm đình

chỉ giao dịch theo quy định của pháp luật;

- Dự án không bị đình chỉ, chấm dứt hoạt động hoặc không có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp dự án hoặc phần dự án chuyển nhượng bị xử phạt vi phạm hành chính thì chủ đầu tư phải chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- Trường hợp dự án đang thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện giải chấp;
- Dự án còn trong thời hạn thực hiện;
- Đối với dự án bất động sản chuyển nhượng một phần dự án còn phải bảo đảm các hạng mục công trình xây dựng hoặc mục đích sử dụng, kinh doanh của các công trình xây dựng của phần dự án chuyển nhượng có thể độc lập được với phần dự án khác trong dự án bất động sản.

**(2)** Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và cam kết tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng nội dung dự án đã được chấp thuận; trường hợp có thay đổi nội dung dự án thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật Kinh doanh bất động sản 2023.

**(3)** Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai

của dự án gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai (nếu có) đối với Nhà nước của dự án, phần dự án chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.

**(4)** Doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án bất động sản ngoài tuân thủ quy định tại các khoản (1), (2), (3) thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

**(5)** Ngoài điều kiện quy định tại các khoản (1), (2), (3) và (4), việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản còn phải đáp ứng điều kiện khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

Trên đây là một số quy định mới của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 về chuyển nhượng tài sản bảo đảm là dự án bất động sản để thu hồi nợ. Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, riêng khoản 3 Điều 200 và khoản 15 Điều 210 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Vì vậy, các quy định nêu trên sẽ được áp dụng từ ngày 01/01/2025.

### 3. CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI PHẢI ĐĂNG KÝ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc huy động vốn nước ngoài đã trở thành một trong những biện pháp quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và đầu tư trong nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này, khi liên tục thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vay vốn từ các tổ chức

tài chính quốc tế. Theo khoản 1 Điều 3 Thông tư 12/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp thì khoản vay nước ngoài là cụm từ dùng chung để chỉ khoản vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi là khoản vay tự vay, tự trả) và khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh dưới mọi hình thức vay nước ngoài thông qua hợp đồng vay, hợp đồng nhập khẩu hàng hóa trả chậm, hợp đồng ủy thác cho vay, hợp đồng cho thuê tài chính hoặc phát hành công cụ nợ trên thị trường quốc tế của bên đi vay.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và an toàn trong việc huy động vốn này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thiết lập các quy định pháp lý về đăng ký khoản vay nước ngoài tại Thông tư 12/2022/TT-NHNN như sau:

### **3.1. Các khoản vay nước ngoài phải thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước**

Căn cứ Điều 11 Thông tư 12/2022/TT-NHNN quy định khoản vay nước ngoài phải thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

- (1) Khoản vay trung, dài hạn nước ngoài.
- (2) Khoản vay ngắn hạn được gia hạn thời gian trả nợ gốc mà tổng thời hạn của khoản vay là trên 01 năm.
- (3) Khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc (bao gồm cả nợ lãi được nhập gốc) tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trừ trường hợp bên đi vay hoàn thành thanh toán dư nợ gốc nói trên trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ thời điểm tròn 01 năm tính từ ngày rút vốn đầu tiên.

### **3.2. Thời hạn khoản vay nước ngoài để xác định nghĩa vụ đăng ký**

Căn cứ Điều 12 Thông tư 12/2022/TT-NHNN quy định về thời hạn khoản vay nước ngoài để xác định nghĩa vụ đăng ký như sau:

- Đối với các khoản vay nêu tại điểm (1) nêu trên, thời hạn khoản vay được xác định từ ngày dự kiến rút vốn đầu tiên đến ngày dự kiến trả nợ gốc cuối cùng trên cơ sở các quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài.

- Đối với các khoản vay nêu tại điểm (2) nêu trên, thời hạn khoản vay được xác định từ ngày rút vốn đầu tiên đến ngày dự kiến trả nợ gốc cuối cùng trên cơ sở các quy định tại thỏa thuận vay nước ngoài, thỏa thuận gia hạn vay nước ngoài.

- Đối với các khoản vay nêu tại điểm (3) nêu trên, thời hạn khoản vay được xác định từ ngày rút vốn đầu tiên đến ngày dự kiến trả nợ gốc cuối cùng.

Trong đó, ngày rút vốn là:

+ Ngày tiền được ghi “có” trên tài khoản của bên đi vay đối với các khoản vay giải ngân bằng tiền;

+ Ngày bên cho vay thanh toán cho người không cư trú cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ với người cư trú là bên đi vay;

+ Ngày bên đi vay được ghi nhận là hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho bên cho vay trong trường hợp các bên lựa chọn rút vốn khoản vay nước ngoài trung, dài hạn dưới hình thức thanh toán bù trừ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 Thông tư 12/2022/TT-NHNN.

+ Ngày bên đi vay nhận tài sản thuê đối với các khoản vay dưới hình thức thuê tài chính nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan;

+ Ngày bên đi vay được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động theo pháp luật chuyên ngành, ngày ký hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư (hợp đồng PPP), ngày các bên ký thỏa thuận vay nước ngoài để chuyển số tiền chuẩn bị đầu tư thành vốn vay (tùy thuộc ngày nào đến sau), áp dụng đối với khoản vay nước ngoài phát sinh từ việc chuyển số tiền thực hiện chuẩn bị đầu tư của các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành vốn vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Trên đây là một số quy định của Thông tư 12/2022/TT-NHNN liên quan đến các

khoản vay nước ngoài phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước. Thông tư 12/2022/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15/11/2022.

**DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
<b>ĐẤT ĐAI</b>			
1	Luật Đất đai số 31/2024/QH15	18/01/2024	01/01/2025
2	Nghị định 12/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 44/2014/NĐ-CP quy định về giá đất và Nghị định 10/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai	05/02/2024	05/02/2024
<b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>			
3	Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15	18/01/2024	01/7/2024
4	Thông tư <u>24/2023/TT-NHNN</u> sửa đổi các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng	29/12/2023	01/3/2024
<b>Y TẾ</b>			
5	Nghị định <u>13/2024/NĐ-CP</u> sửa đổi Nghị định <u>104/2016/NĐ-CP</u> quy định về hoạt động tiêm chủng	05/02/2024	05/02/2024
6	Nghị định 16/2024/NĐ-CP về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân	16/02/2024	16/02/2024
7	Nghị định <u>25/2024/NĐ-CP</u> quy định về xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú"	27/02/2024	15/4/2024
<b>LAO ĐỘNG</b>			
8	Nghị định <u>21/2024/NĐ-CP</u> sửa đổi Nghị định <u>51/2016/NĐ-CP</u> quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định <u>52/2016/NĐ-CP</u> quy định về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	23/02/2024	10/4/2024
9	Quyết định <u>135/QĐ-TTg</u> về Kế hoạch thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp	31/01/2024	31/01/2024
10	Thông tư <u>18/2023/TT-BLĐTBXH</u> về Quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	29/12/2023	01/3/2024



11	Thông tư <u>20/2023/TT-BLĐTBXH</u> về Quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội	29/12/2023	15/02/2024
12	Thông tư <u>02/2024/TT-BLĐTBXH</u> sửa đổi Thông tư <u>21/2021/TT-BLĐTBXH</u> hướng dẫn Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	23/02/2024	15/5/2024
13	Quyết định <u>208/QĐ-LĐTBXH</u> công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	29/02/2024	29/02/2024
<b>ĐẦU TƯ</b>			
14	Nghị định <u>10/2024/NĐ-CP</u> quy định về khu công nghệ cao	01/02/2024	25/3/2024
15	Nghị định <u>11/2024/NĐ-CP</u> quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng bt; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	02/02/2024	02/02/2024
16	Thông tư <u>25/2023/TT-BKHĐT</u> sửa đổi Thông tư <u>03/2021/TT-BKHĐT</u> quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư	31/12/2023	15/02/2024
<b>XÂY DỰNG</b>			
17	Nghị định <u>23/2024/NĐ-CP</u> hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực	27/02/2024	27/02/2024
18	Thông tư <u>01/2024/TT-BKHĐT</u> hướng dẫn cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	15/02/2024	15/02/2024
<b>DOANH NGHIỆP</b>			
19	Nghị định <u>14/2024/NĐ-CP</u> sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số <u>28/2018/NĐ-CP</u> ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết luật quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương	07/02/2024	25/3/2024

20	Thông tư 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư của Bộ trưởng Bộ Công thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài	30/01/2024	18/3/2024
21	Thông tư <u>04/2024/TT-BQP</u> sửa đổi Thông tư <u>155/2019/TT-BQP</u> hướng dẫn chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng thành công ty cổ phần và Thông tư <u>156/2019/TT-BQP</u> hướng dẫn thực hiện chuyển nhượng phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần	15/01/2024	02/3/2024
<b>THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</b>			
22	Nghị định <u>19/2024/NĐ-CP</u> sửa đổi Nghị định <u>48/2019/NĐ-CP</u> quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	23/02/2024	10/4/2024
23	Thông tư <u>01/2024/TT-BKHCCN</u> quy định kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường	18/01/2024	03/3/2024
24	Thông tư 01/2024/TT-BNNPTNT ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	02/02/2024	20/3/2024
<b>THUẾ, PHÍ</b>			
25	Nghị định <u>05/2024/NĐ-CP</u> Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2023-2024	24/01/2024	24/01/2024
26	Nghị quyết <u>25/NQ-CP</u> đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)	27/02/2024	27/02/2024
27	Thông tư <u>05/2024/TT-BTC</u> sửa đổi Thông tư <u>84/2018/TT-BTC</u> quy định về mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công;	26/01/2024	01/4/2024
28	Thông tư <u>09/2024/TT-BTC</u> ngày 05/02/2024 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	05/2/2024	21/3/2024

29	Thông tư <a href="#">10/2024/TT-BTC</a> quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	05/02/2024	21/3/2024
30	Thông tư <a href="#">11/2024/TT-BTC</a> quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản	05/02/2024	21/3/2024
31	Quyết định <a href="#">98/QĐ-TCT</a> về Quy trình áp dụng quản lý rủi ro lựa chọn hồ sơ khai thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Tiêu thụ đặc biệt để kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế	26/01/2024	26/01/2024

-----  
*Để được tư vấn pháp luật vui lòng liên hệ:*

**CÔNG TY LUẬT CILAF & PARTNERS**

**Address:** 234 Ngô Thì Nhậm, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

**Phone:** 0706.68.78.68

**Mail:** [contact@cilaf.vn](mailto:contact@cilaf.vn)

**Website:** [www.cilaf.vn](http://www.cilaf.vn)

Hoặc inbox trực tiếp qua Fanpage

**Facebook:** Công ty Luật Cilaf & Partners

Link: <https://www.facebook.com/cilaf.vn>

**Zalo OA:** [zalo.me/2884625428758109382](https://zalo.me/2884625428758109382)